TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **100**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 25/9/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại hội trường, Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 318/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐST -HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *N1 đơn:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh TH.

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Anh Dương Văn N1, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ X, phường T, thành phố TH, tỉnh TH. (Vắng mặt lần thứ 2 – không có lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày: Chị và anh Dương Văn N1 kết hôn năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố TH, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị chơi bời không quan tâm đến gia đình, cuộc sống luôn căng thẳng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2008 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung,

không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn N1 thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng một, hai tháng mới về nhà. Tòa án đã tiến hành xác minh và thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh N1 nhưng anh N1 không có mặt để giải quyết vụ án. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Kết thúc phần hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Vũ Thị N, cho chị được ly hôn với anh Dương Văn N1.

- Về con chung: Không có con chung, Hội đồng xét xử không giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh Dương Văn N1 có nơi cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Dương Văn N1, mặc dù được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Dương Văn N1 kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố TH, tỉnh TH nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Lý do chị N xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2008 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng kết hôn tháng 12/2007 đến

tháng 4/2008 đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị N và anh N1 không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với thực tế quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có con chung

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị N xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị N. Chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Dương Văn N1.

2. Về con chung: Không có con chung

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001602 ngày 25/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

5. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn N1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH
- VKSND tỉnh ThátN1;
- VKSND thành phố TH;
- THADS thành phố TH;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc